


VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfate	MSDS: 64 16/10/2012									
Trang phục bảo hộ		Nhãn	HMSI (USA)								
			<table border="1"> <tr><td>Health</td><td>3</td></tr> <tr><td>Fire</td><td>0</td></tr> <tr><td>Reactivity</td><td>0</td></tr> <tr><td>Personal Protection</td><td>E</td></tr> </table>	Health	3	Fire	0	Reactivity	0	Personal Protection	E
Health	3										
Fire	0										
Reactivity	0										
Personal Protection	E										
1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT											
Tên gọi: Silver sulfate Tên thương mại: Số CAS: 10294-26-5 Số UN: Số đăng ký EC: Tên nhà sản xuất: Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.	Đơn vị sử dụng: VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hung Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115										
2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT											
Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng								
Silver sulfate	10294-26-5	AgSO ₄	100								
3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT											
<ul style="list-style-type: none"> - Tác động cấp tính <i>Tiếp xúc với mắt:</i> rất nguy hại. Triệu chứng như mắt đỏ, chảy nước mắt và ngứa. <i>Nuốt phải:</i> rất nguy hại. <i>Hít phải:</i> rất nguy hại. <i>Tiếp xúc với da:</i> nguy hại (ăn mòn) cho đến rất nguy hại (kích ứng). Triệu chứng bỏng như: ngứa, phỏng rộp, đỏ. - Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. 											

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfat	MSDS: 64 16/10/2012
<p>Gây đột biến gen: không có giá trị.</p> <p>Gây quái thai: không có giá trị.</p> <p>Độc tính phát triển: không có giá trị.</p> <p>Hóa chất độc hại cho phổi, màng nhày, Tiếp xúc kéo dài và nhiều lần với hóa chất có thể gây tổn hại cơ quan trong cơ thể. Bụi có thể gây kích ứng mãn tính cho hệ hô hấp.</p>		
4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ		
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, gỡ mí mắt mở, không sử dụng thuốc bôi mỡ mắt. Gọi sự trợ giúp từ y tế. - Tiếp xúc với da Nếu hóa chất dính vào quần áo, cơ thể, cần phải thay quần áo ngay, bảo vệ bàn tay và thân thể khỏi hóa chất. Đặt nạn nhân dưới vòi nước. Nếu hóa chất dính vào da nạn nhân, cần cẩn thận và nhẹ nhàng rửa vùng da dính hóa chất với dòng nước và xà phòng không ăn mòn. Nếu có những kích ứng cần gọi trợ giúp từ y tế. Quần áo nhiễm bẩn phải được tẩy giặt trước khi sử dụng lại. - Tiếp xúc lâu hoặc nồng độ cao với da Rửa với xà phòng khử trùng và xoa vùng da nhiễm bẩn bằng kem chống khuẩn. Gọi sự trợ giúp từ y tế. - Hít vào Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi cấp cứu. Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Gọi sự trợ giúp từ y tế. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi sự trợ giúp từ y tế. - Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, nếu nạn nhân không thở, cần thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... 		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfate	MSDS: 64 16/10/2012
5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ		
<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tính cháy của hóa chất: không cháy. - Nhiệt độ tự bốc cháy: không áp dụng. - Điểm bốc cháy: không áp dụng. - Giới hạn có thể cháy: không có giá trị. - Sản phẩm cháy: không có giá trị. - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: không áp dụng. - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị. <i>Tác động tinh:</i> không có giá trị. - Chỉ dẫn chữa cháy: không có giá trị. 		
6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ		
<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp rò rỉ mức nhỏ Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật. - Trường hợp rò rỉ mức lớn Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể cho đổ tràn tới hệ thống cống. Cần thận tránh để hóa chất vượt ngưỡng TLV. 		
7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ		
<ul style="list-style-type: none"> - Sự đề phòng Giữ thùng chứa khô. Không hít bụi. Không cho nước vào thùng hóa chất. Trong trường hợp thiếu thông thoáng cần trang bị thiết bị trợ hô hấp. Nếu cảm thấy không khỏe cần gọi trợ giúp từ y tế. Ngăn hóa chất tiếp xúc với da và mắt. - Tồn trữ Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng và đặt trên nền đất. Trữ hóa chất ở nơi riêng biệt khỏi axit, kiềm, tác chất khử và cháy. 		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfate	MSDS: 64 16/10/2012
--	--	------------------------

8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Kiểm soát kỹ thuật**
Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.
- **Bảo hộ cá nhân:** kính bảo hộ, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang ngăn bụi, bảo đảm sử dụng mặt nạ phù hợp hoặc tương ứng, găng tay.
- **Bảo hộ cá nhân trong trường hợp lớn:** kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay.
- **Giới hạn tiếp xúc:** TWA: 0,01 (mg(Cr)/m) bởi ACGIH (TLV) (US).

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

- **Trạng thái và hình dạng vật lý:** thể rắn (tinh thể).
- **Mùi:** không có giá trị.
- **Vị:** không có giá trị.
- **Khối lượng phân tử:** 311,8 g/mole.
- **Màu:** không màu.
- **pH (1% dung môi/nước):** không có giá trị.
- **Điểm sôi:** không có giá trị.
- **Điểm tan chảy:** 652°C.
- **Nhiệt độ tới hạn:** không có giá trị.
- **Trọng lượng riêng:** 5,45 (nước =1).
- **Áp suất bay hơi:** không áp dụng.
- **Tỉ trọng bay hơi:** không áp dụng.
- **Sự bay hơi:** không có giá trị.
- **Ngưỡng mùi:** không có giá trị.
- **Hệ số phân phối nước/dầu:** không có giá trị.
- **Ionicity (trong nước):** không có giá trị.
- **Tính chất phân tán:** không có giá trị.

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfate</p>	<p>MSDS: 64 16/10/2012</p>
<p>- Sự hòa tan: dễ hòa tan trong nước lạnh, không hòa tan trong methanol.</p>		
<p>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Độ ổn định: hóa chất ổn định. - Nhiệt độ gây không ổn định: không có giá trị. - Những điều kiện gây không ổn định: không có giá trị - Những hóa chất không tương thích: không có giá trị. - Tính ăn mòn: không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh. - Poly hóa: không xảy ra. 		
<p>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Đường đi vào: tiếp xúc mắt, hô hấp, tiêu hóa. - Độc tính lên động vật: không có giá trị. - Ảnh hưởng mãn tính lên con người: độc hại cho phổi, màng nhày. - Ảnh hưởng độc tính lên con người: rất độc hại cho tới độc hại khi tiếp xúc với da, nuốt phải. Độc hại nếu hít hay nuốt phải. 		
<p>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Độc tính sinh thái: không có giá trị. - BOD₅ và COD: không có giá trị. - Sản phẩm phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại. Độc tính sản phẩm phân hủy: sản phẩm phân hủy có độc tính hơn. 		
<p>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất. - Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại) <i>Tái sử dụng nếu có thể</i> <i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i> <ul style="list-style-type: none"> • Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào 		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfate	MSDS: 64 16/10/2012
<p>thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. <p>Thu gom và xử lý dạng lỏng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. • Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <p>Xử lý hóa chất dạng hơi: vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> <p><u>Chú ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kị với nhau (tham khảo trong bảng). - Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn. - Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó. - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom. 		
14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN		
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại DOT: không áp dụng. Nhận dạng: không áp dụng. 		
15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ		
<ul style="list-style-type: none"> - Quy chuẩn áp dụng Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002 Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 - Xếp loại khác DSCL (EEC): R38- gây kích ứng da. R41-nguy cơ làm tổn thương mắt 		

<p>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Silver sulfate</p>	<p>MSDS: 64 16/10/2012</p>
<p>HMIS (U.S.A.)</p> <p>Độc hại sức khỏe: 3 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: E</p> <p>National Fire Protection Association (U.S.A.)</p> <p>Sức khỏe: 3 Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
<p>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tham khảo: silver sulfate MSDS – science lab.com, INC, Mỹ. - Ngày ghi: 16/10/2012 - Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012 - Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường. <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		